

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và
vay nợ chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Tiến Hùng

Ông Lương Đình Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Doanh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và vay nợ chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Linh Thị N. Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Chu Văn L. Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị X. Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Chị Linh Thị N1. Địa chỉ: Thôn C1, xã X1, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Anh Linh Văn Dũng. Địa chỉ: Thôn 1, xã 1, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, bản tự khai và tại phiên tòa chị Linh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn L kết hôn từ ngày 26 tháng 11 năm 2015, trước khi kết hôn được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, dẫn đến tình cảm bị rạn nứt không thể hàn gắn được. Chị và anh Chu Văn L đã sống ly thân được 02 tháng không còn quan tâm, liên lạc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn L.

Về con chung: Có 02 con tên là Chu Khánh N2, sinh ngày 02/02/2016 và Chu Kiều M, sinh ngày 21/8/2017, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chu Kiều M cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Chu Văn L nuôi dưỡng cháu Chu Khánh N2 cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Chị và anh Chu Văn L được vay của bà Hoàng Thị X số tiền 20.000.000 đồng, vay của chị Linh Thị N1 10.000.000 đồng, vay của anh Linh Văn D số tiền 8.000.000 đồng, số tiền vay anh Linh Văn D anh Chu Văn L đã trả, nay còn nợ bà Hoàng Thị X và chị Linh Thị N1. Khi ly hôn chị đồng ý anh Chu Văn L phải có trách nhiệm trả hết số tiền nợ cho bà Hoàng Thị X, còn số tiền nợ chị Linh Thị N1 mỗi người có trách nhiệm trả 5.000.000 đồng.

Bị đơn anh Chu Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa hai vợ chồng đúng như chị Linh Thị N đã trình bày. Sau khi kết hôn thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Sau đó, do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân đã được 02 tháng, không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định vẫn có tình cảm với chị Linh Thị N, nếu như chị Linh Thị N thương con quay về chung sống thì anh vẫn chấp nhận. Trong trường hợp chị Linh Thị N nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con là Chu Khánh N2, sinh ngày 02/02/2016 và Chu Kiều M, sinh ngày 21/8/2017. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 02 con cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Linh Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng được vay của bà Hoàng Thị X số tiền 20.000.000 đồng, vay của chị Linh Thị N1 số tiền 10.000.000 đồng. Khi ly hôn anh đồng ý trả cho bà Hoàng Thị X 20.000.000 đồng, còn số tiền vay của chị Linh Thị N1 anh yêu cầu chị Linh Thị N có trách nhiệm trả 5.000.000 đồng, anh có trách nhiệm trả 5.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X trình bày:

Tháng 6 năm 2018 bà vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Lạng Sơn, sau đó bà cho chị Linh Thị N và anh Chu Văn L vay số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay vợ chồng ly hôn bà đồng ý với đề nghị của anh Chu Văn L, anh Chu Văn L sẽ có trách nhiệm trả cho bà số tiền trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Linh Thị N1 trình bày: Năm 2016 chị cho chị Linh Thị N và anh Chu Văn L vay số tiền 10.000.000 đồng. Nay chị Linh Thị N và anh Chu Văn L ly hôn chị đồng ý với phương án anh Chu Văn L đưa ra, khi hai vợ chồng ly hôn mỗi người có trách nhiệm trả cho chị 5.000.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 06/9/2019 anh Linh Văn D trình bày: Tháng 06 năm 2018 anh cho chị Linh Thị N và anh Chu Văn L vay số tiền 8.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Chu Văn L đã trả cho anh số tiền trên, nay anh không có yêu cầu gì thêm, anh đề nghị Tòa án không triệu tập đến phiên tòa tham gia tố tụng.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải chị Linh Thị N và anh Chu Văn L thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân. Các vấn đề khác các đương sự không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ, đã tổng đạt đầy đủ các quyết định, văn bản tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật, đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Linh Thị N và anh Chu Văn L.

Về con chung: Có 02 con tên Chu Khánh N2, sinh ngày 02/02/2016 và Chu Kiều M, sinh ngày 21/8/2017, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Linh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Kiều M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cho anh Chu Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Khánh N2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Vay nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Linh Thị N và anh Chu Văn L: Anh Chu Văn L có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị X số tiền 20.000.000 đồng, chị Linh Thị N và anh Chu Văn L mỗi người có trách nhiệm trả cho chị Linh Thị N1 số tiền 5.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc chị Linh Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị về khắc phục vi phạm tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Linh Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Chu Văn L cư trú tại thôn C, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và vay nợ chung khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Linh Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời khai của mình anh đề nghị Tòa án không triệu tập anh tham gia tố tụng, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Linh Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Linh Thị N và anh Chu Văn L kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm bị rạn nứt không thể hàn gắn lại được, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Linh Thị N yêu cầu ly hôn với anh Chu Văn L. Trước yêu cầu ly hôn của chị Linh Thị N anh Chu Văn L cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Linh Thị N và anh Chu Văn L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Linh Thị N và anh Chu Văn L.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên là Chu Khánh N2, sinh ngày

02/02/2016 và Chu Kiều M, sinh ngày 21/8/2017. Khi ly hôn chị Linh Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chu Kiều M. Xét thấy, cháu Chu Kiều M đang dưới 36 tháng tuổi vì vậy yêu cầu của chị Linh Thị N đưa ra là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Chu Kiều M cho chị Linh Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Chu Khánh N2 cho anh Chu Văn L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Linh Thị N và anh Chu Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vay nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Linh Thị N và anh Chu Văn L. Anh Chu Văn L có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị X 20.000.000 đồng và trả cho chị Linh Thị N1 5.000.000 đồng, chị Linh Thị N có trách nhiệm trả cho chị Linh Thị N1 5.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Buộc chị Linh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Linh Thị N và anh Chu Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Khánh N2, sinh ngày 02/02/2016 cho anh Chu Văn L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Chu Kiều M, sinh ngày 21/8/2017 cho chị Linh Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Linh Thị N và anh Chu Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Linh Thị N và anh Chu Văn L. Anh Chu Văn L có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị X 20.000.000 đồng và trả cho chị Linh Thị N 5.000.000 đồng, chị Linh Thị N có trách nhiệm trả cho chị Linh Thị N 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Chị Linh Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Linh Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03805 ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Duy

